

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ 2015 đến năm 2020

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, kết nối với ba vùng Đông Nam bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên, gần TP.HCM, do đó có nhiều lợi thế, để chuyển đổi nhanh mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu. Đồng Nai, từ kinh tế lệ thuộc nông nghiệp truyền thống, đã vươn lên trở thành tỉnh có GDP bình quân đầu người cao do với cả nước, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 12,8%/năm. Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, đang diễn ra đúng hướng, hướng về chiều sâu, công nghiệp tiến tiến đang giữ được vai trò chủ đạo, làm cơ sở thúc đẩy toàn bộ các ngành khác phát triển, nhất là Thương mại- Dịch vụ và Nông nghiệp.

Từ khóa: *Tái cơ cấu kinh tế, mô hình tăng trưởng.*

1. Cơ sở lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế

Cho đến hiện nay, đã có nhiều lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế như: mô hình dựa vào tài nguyên của D. Ricardo, mô hình nhị nguyên (mô hình hai khu vực), mô hình Harrod-Domar, mô hình Robert Solow (1956), mô hình Sung Sang Park.. Mỗi mô hình tăng trưởng kinh tế, đều có mặt tích cực và hạn chế. Song nhìn nhận trên tổng thể, mô hình Solow, Kaldor và Sung Sang Park có thể lựa chọn làm cơ sở lý thuyết việc nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế Đồng Nai. Bởi vì mô hình tăng trưởng kinh tế Solow, Kaldor và Sung Sang Park dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật và nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ làm tăng sức cạnh tranh của kinh tế. Nguồn nhân

lực chất lượng cao bao hàm trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tính kỷ luật cao và có sức khỏe tốt. Máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ sản xuất cao cấp hay phần mềm tiên tiến, ... chỉ có thể phát huy hiệu quả tối đa nếu được sử dụng bởi nguồn nhân lực chất lượng cao.

Theo mô hình tăng trưởng kinh tế này, để có mô hình tăng trưởng kinh tế hợp lý, cần thiết phải có sự tích hợp của 4 yếu tố cơ bản: Lao động, tài nguyên, vốn và công nghệ. Ngoài ra, để các nhân tố này phối hợp được với nhau một cách hiệu quả, cần thiết phải có thể chế để đảm bảo cho những sáng chế, phát minh được bảo vệ và trả công một cách xứng đáng. Với công thức:

$$g = \frac{s}{k}$$

Trong đó với:

g: tốc độ tăng trưởng của sản lượng đầu ra.

s: tỷ lệ tiết kiệm

k: hệ số vốn - đầu ra hay hệ số (ICOR)

Harrod-Domar, sự dụng khái niệm hiệu quả sử dụng các nhân tố tổng hợp để đo lường tác động của các nhân tố tác động đến tổng sản phẩm nội địa của một nền kinh tế. Năng suất các yếu tố tổng hợp – Total Factor Productivity (TFP) phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình như kiến thức - kinh nghiệm - kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền kinh tế hay hàng hoá - dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ, kỹ năng quản lý... tác động của nó không trực tiếp như năng suất bộ phận mà phải thông qua

sự biến đổi của các yếu tố hữu hình, đặc biệt là lao động và vốn. (Cách gọi khác của TFP là MFP – Multifactor productivity). Theo “The Global Competitiveness Report 2010–2011” của diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), thì mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng cạnh tranh được thể hiện thông qua các tiêu chí sau:

- Mức độ hoàn thiện của chính sách để tạo môi trường thông thoáng cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Cơ sở hạ tầng phát triển đồng bộ, hiệu quả đáp ứng cho sự tăng trưởng kinh tế

- Sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô

- Giáo dục và đào tạo với phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển thị trường hàng hóa, thị trường lao động và thị trường tài chính Hiệu quả

- Mức độ sẵn sàng của công nghệ trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra của các lĩnh vực kinh tế

- Quy mô của thị trường ngày càng mở rộng

- Sự tinh tế, tinh xảo trong sản xuất kinh doanh

- Sự đổi mới luôn phù hợp với môi trường bên ngoài và bên trong

2. Mô hình tăng trưởng chọn lựa để nghiên cứu tại Đồng Nai

Trên cơ sở lý thuyết trên và thực tiễn tỉnh Đồng Nai, chúng tôi cho rằng mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai, trước hết là phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thứ 2, dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật và nguồn nhân lực chất

lượng cao. Thứ 3, dựa trên cơ sở máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ sản xuất cao. Khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phải đạt được hiệu quả sử dụng **các nhân tố tổng hợp** (TFP) và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đề sau năm 2025, là một trong những tỉnh công nghiệp tập đầu của khu vực Đông Nam Bộ.

3. Đánh giá mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai hiện nay

Những kết quả tích cực:

Theo số liệu Cục thống kê, năm 2012, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt ở mức 12,1% (mục tiêu nghị quyết là 12%), gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng chung của cả nước. Một số lĩnh vực quan trọng khác cũng đạt và vượt dự toán, như: thu ngân sách ước đạt gần 27 ngàn tỷ đồng (đạt 103%, tăng 11% so với cùng kỳ), trong đó 59,1% là thu từ nội địa (chưa tính nguồn thu từ xổ số kiến thiết), cho thấy hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn vẫn ổn định và có tăng trưởng.

Hầu hết các sản phẩm chủ yếu của tỉnh đều có mức sản xuất tăng so với cùng kỳ, như: gạch men (tăng 22%), bánh kẹo (tăng 18,2%), đường mật, quạt điện (tăng 17%), ngói (tăng 15,8%), giày thể thao (tăng 15,2%), may mặc (tăng 12%). Các tập đoàn, doanh nghiệp của tỉnh cũng phát triển ổn định. Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai nộp ngân sách 1.314 tỷ đồng (tăng 27% so với kế hoạch), lợi nhuận hơn 513 tỷ đồng (tăng 47,8% so

với kế hoạch); Tổng công ty phát triển khu công nghiệp nộp ngân sách 219 tỷ đồng (tăng 4,7%), lợi nhuận đạt 323 tỷ đồng. GDP ước đạt 112.637 đồng, GDP bình quân đầu người 41,53 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế cũng đã có sự chuyển dịch sang khu vực dịch vụ và công nghiệp: ngành công nghiệp xây dựng chiếm 57%, ngành dịch vụ 36,16%, ngành nông lâm nghiệp và thủy sản 6,84%. Giá trị sản xuất công nghiệp là 140.500 tỷ đồng, đạt 100,3%, tăng 3,7% so cùng kỳ. Giá trị tăng thêm của các ngành dịch vụ là 11.768 tỷ đồng, tăng 14,6% so cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện khoảng 34.500 tỷ đồng, chiếm 30,6% GDP. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt trên 1.000 triệu USD. Thu hút vốn đầu tư trong nước là 11.000 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách là 26.926 tỷ đồng đồng (vượt dự toán 3%).

Về chất lượng tăng trưởng: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,1%. Số sinh viên đại học, cao đẳng là 242/vạn dân. 95% trạm y tế có bác sĩ ổn định, 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế, số bác sĩ là 6/vạn dân, số giường bệnh là 21/vạn dân, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm còn 11,5%, suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm còn 27,2%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58%, qua đào tạo nghề đạt 44%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5% (còn 3,5%). Tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 99%.

Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100%, thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 70%, thu gom và xử lý chất thải rắn

sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại đạt 90%. Tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 98,4%, nông thôn đạt 93%. 100% các khu công nghiệp lấp đầy trên 50% diện tích được đầu tư trạm quan trắc môi trường. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 29,76%.

Những hạn chế, điểm yếu

Mô hình tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu theo chiều rộng, chưa đầy đủ bốn nhóm yếu tố về Lao động, tài nguyên, vốn và công nghệ hiện đại để phát triển theo chiều sâu. Năng suất các yếu tố tổng hợp – Total Factor Productivity (TFP) phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình như kiến thức - kinh nghiệm - kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền kinh tế hay hàng hoá - dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ, kỹ năng quản lý chưa cao..., đặc biệt là trình độ lao động và vốn đầu tư.

Kết quả đổi mới công nghệ ở khu vực doanh nghiệp trong nước còn hạn chế; chưa phát triển mạnh các ngành công nghệ cao; đa số các doanh nghiệp đều có quy mô sản xuất nhỏ, trình độ quản trị chưa cao, chưa thực hiện tốt mối liên kết trong sản xuất kinh doanh, nên chưa tạo được sức mạnh để nâng cao năng lực cạnh tranh và ổn định thị trường tiêu thụ sản phẩm. Công nghiệp phụ trợ phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực phát triển chậm.

Việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thuộc lĩnh vực công nghệ cao chưa nhiều. Hoạt động thương mại, dịch vụ ít có dự án lớn đưa vào khai thác; lĩnh vực dịch vụ nhà ở cho công nhân, người có thu nhập thấp, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí phát triển

chậm, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

Về sản xuất nông nghiệp còn manh mún, các mô hình còn nhỏ lẻ (thuộc hộ và các nhóm hộ), những sản phẩm mới ở dạng hình thức, chưa tiêu biểu cho năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ. Thu nhập của người dân có tăng nhưng còn thấp. Sản phẩm nông nghiệp làm ra giá cả không ổn định, việc lựa chọn hướng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi của người dân còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến phương thức canh tác nhiều loại cây trên một diện tích đất sản xuất, làm hạn chế trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật và nâng cao chất lượng vùng chuyên canh.

Phần lớn các HTX có quy mô nhỏ, vốn ít, cơ sở vật chất còn hạn chế, không đưa tài sản thế chấp vay ngân hàng, công nghệ sản xuất lạc hậu; nội dung hoạt động đơn điệu, chưa thiết thực; chưa xây dựng được phương án kinh doanh khả thi... Từ đó khó thu hút và huy động vốn từ xã viên; chưa trở thành chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho xã viên để xã viên gắn bó với HTX; chưa có thị trường đầu ra sản phẩm ổn định... Từ đó chưa đủ sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường.

Sản xuất nông nghiệp tuy có chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa nhưng chưa thật sự bền vững; giá trị sản xuất bình quân trên ha đất chưa cao; tỷ trọng dịch vụ trong ngành nông nghiệp còn thấp; việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ nông dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu chưa chặt chẽ; tổ chức thực hiện

chương trình nông thôn mới, xây dựng thương hiệu nông sản hàng hoá, đầu tư phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực, triển khai đầu tư vùng chăn nuôi tập trung chậm. Hệ thống thủy lợi phát triển chưa đồng bộ, quản lý chưa tốt, kết quả hoạt động còn lãng phí, hiệu quả chưa cao.

Chất lượng hoạt động bộ máy nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế và chưa đồng bộ, nhất là khâu cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ. Một số đơn vị, địa phương triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở một số lĩnh vực còn chậm, chất lượng chưa tốt (như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, nhà ở, cấp phép xây dựng...). Nơi làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở một số đơn vị chưa được đầu tư đúng mức. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính còn chậm, thông tin hai chiều giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân còn hạn chế. Trình độ chuyên môn một bộ phận cán bộ, công chức, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý còn yếu.

Các ngành dịch vụ phát triển khá đa dạng nhưng chưa đồng đều ở các lĩnh vực; dịch vụ phát triển vẫn còn thiên về ngành truyền thống, các ngành dịch vụ chất lượng cao đã được đầu tư nhưng tốc độ phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội những năm qua tuy có phát triển, nhưng nhìn chung chưa đồng bộ, chưa đáp ứng cho yêu cầu phát triển dịch vụ như: hạ tầng giao thông, nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng

cao; chưa liên kết phát triển các trường dạy nghề, trung cấp nghề, cao đẳng, đại học cũng như các bệnh viện trong khu vực, bệnh viện tư nhân chưa phát triển; quá trình triển khai thực hiện các quy hoạch còn một số vướng mắc, nhất là công tác giải phóng mặt bằng.

4. Đề xuất mô hình tăng trưởng kinh tế tổng quát

Mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn 2025 là chuyển từ tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu dựa trên việc sử dụng hiệu quả 4 nhóm yếu tố chủ yếu: Tài nguyên-vốn đầu tư- nguồn nhân lực chất lượng cao và tiến bộ khoa học kỹ thuật bao gồm máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ sản xuất hiện đại, phần mềm quản lý tiên tiến đảm bảo nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

5. Về chất lượng tăng trưởng:

Đối với tỉnh Đồng nai, trong giai đoạn 2011- 2015, do các yếu tố của tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng như lao động, tài nguyên thiên nhiên tương đối dồi dào, trong khi trình độ của người lao động và công nghệ vẫn còn hạn chế thì tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng vẫn được tiếp tục. Song, giai đoạn 2016 trở đi nếu tăng trưởng kinh tế của tỉnh vẫn dựa quá nhiều vào tài nguyên sẵn có, dựa vào vốn huy động trong tỉnh và ngoài tỉnh và Lực lượng lao động trình độ tay nghề chưa cao thì tốc độ tăng trưởng sẽ kém tính bền vững và dễ bị tổn thương khi có những biến động kinh tế từ bên trong cũng như bên ngoài. Thực tế khủng hoảng tài chính tiền tệ và suy thoái kinh tế

toàn cầu đã chứng minh điều này. Chính vì lẽ đó, kinh tế Đồng Nai cần chuyển sang phát triển theo chiều sâu, tức là dựa chủ yếu vào nhân tố TFP.

Tăng trưởng theo chiều sâu, đó là sự gia tăng thu nhập do tác động của yếu tố TFP. Trên giác độ các yếu tố đầu vào, một nền kinh tế đạt được tăng trưởng dựa chủ yếu vào 3 nhân tố chính: vốn (K), lao động (L) và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP - Total Factor Productivity).

Hàm sản xuất có dạng: $Y = F(K, L, TFP)$, trong đó: Y là thu nhập của kinh tế (GDP) còn tính VA.

Tại mô hình này, Tăng trưởng kinh tế được phân thành 2 loại: Tăng trưởng theo chiều rộng, phản ánh tăng thu nhập phụ thuộc vào tăng quy mô nguồn vốn, số lượng lao động và lượng tài nguyên thiên nhiên được khai thác.

Tăng trưởng theo chiều sâu, đó là sự gia tăng thu nhập do tác động của yếu tố TFP. Trên phương diện tính toán, TFP chỉ phần trăm tăng GDP sau khi trừ đi phần đóng góp của việc tăng số lao động và vốn. TFP phản ánh sự gia tăng chất lượng lao động, chất lượng máy móc, vai trò của quản lý và tổ chức sản xuất. TFP phụ thuộc hai yếu tố: tiến bộ công nghệ và hiệu quả sử dụng vốn, lao động

6. Về mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2015 – 2020: tốc độ tăng trưởng đạt bình quân của kinh tế tỉnh đạt 13% – 13,5%, tạo các yếu tố để đảm bảo chất lượng tăng trưởng theo chiều sâu. Tăng số lượng, tỷ trọng sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia

tăng cao trong cơ cấu kim ngạch xuất khẩu và nâng dần thị phần tiêu thụ những sản phẩm này trên thị trường trong và ngoài nước.

Tăng số doanh nghiệp tạo ra những sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Xây dựng một số doanh nghiệp và sản phẩm có thương hiệu trên thị trường trong và thế giới. Tăng tỷ trọng đóng góp của công nghệ, vốn con người vào tăng trưởng kinh tế. Tăng số doanh nghiệp, ngành có những sản phẩm có giá trị gia tăng cao bằng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường.

GDP bình quân đầu người (tính theo giá hiện hành) vào năm 2015 đạt 3.270 USD và đến năm 2020 đạt 6.480 USD và năm 2025 đạt 12.000USD. Đến năm 2015, tỷ trọng ngành công nghiệp 55% GDP, dịch vụ 40%, nông nghiệp 5%; Đến năm 2020, do đầu tư mạnh vào những ngành dịch vụ trọng yếu, nên tỷ trọng ngành công nghiệp giảm xuống 51%, dịch vụ tăng lên 46%, và nông nghiệp giảm xuống 3%. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân tăng 18% – 20% giai đoạn 2011 – 2015 và tăng trưởng 16% – 18%, giai đoạn 2016 – 2020 tăng trưởng 15-16%. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm so với GDP chiếm 25% – 27% trong giai đoạn 2011 – 2020 và chiếm 35% – 40%.

Quy mô dân số đến năm 2015 khoảng 2,7 triệu người và đến năm 2020 khoảng 2,8 triệu đến 2,9 triệu người. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2015 xuống còn 1,1%; và năm 2025 xuống còn 1,0%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2015 dưới 10% và năm 2020 dưới 5%.

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt trên 60% và đến năm 2020 đạt trên 70%. Giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị xuống dưới 2% trong giai đoạn 2015 – 2020. Hoàn thành phổ cập bậc trung học

Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa giai đoạn 2015 – 2020 đạt trên 98%. Tỷ lệ hộ dùng điện từ năm 2015 trở đi đạt 100%. Tỷ lệ hộ dùng nước sạch năm 2015 đạt trên 99% và 2020 là 100%.

Nâng tỷ lệ che phủ của cây xanh đến năm 2015 đạt tỷ lệ che phủ của cây xanh 51% và đến năm 2020 đạt 52%. Thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp đạt 100% đến 2015.

6. Các giải pháp đột phá để thực hiện mô hình tăng trưởng

Tập trung thu hút, đãi ngộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành đáp ứng yêu cầu phát triển. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn.

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực tập trung đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh, các tuyến giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc.

Phát triển mạnh các ngành dịch vụ chất lượng cao (tài chính, ngân hàng, vận tải - kho bãi, thông tin liên lạc, khách sạn nhà hàng).

Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các

ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao. Xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp.

Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn và nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu nông sản hàng hóa.

Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các nhân tố của nền kinh tế tri thức, ưu tiên các lĩnh vực tạo sản phẩm có hàm lượng chất xám cao

Kết luận: Mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai đến 2020, trước hết là phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, giữa tăng trưởng kinh tế

với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đến năm 2025, là một trong những tỉnh công nghiệp top đầu của khu vực Đông Nam Bộ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- UBND tỉnh Đồng Nai, Quyết định Phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2015 Ngày 16 Tháng 08 năm 2011
- UBND tỉnh Đồng Nai, Quyết định Về một số chủ trương và biện pháp điều hành kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 Ngày 07 Tháng 12 năm 2012
- Tỉnh ủy Đồng Nai, Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, IX.
- UBND tỉnh Đồng Nai, Quyết định Số: 1852/QĐ-UBND Về việc ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011 – 2015.
- Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai, Củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2020.

Xác định ngành công nghiệp...

(Tiếp theo trang 68)

- Huỳnh Hoa (2013), TPP và động lực cải cách kinh tế, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, số phát hành ngày 4/4/2013.
- Trần Văn Thọ, (2005), Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hoá VN, NXB Chính trị quốc gia.
- Trần Văn Thọ, (2011), VN từ năm 2011 – Vượt lên sự nghiệt ngã của thời gian, NXB Tri thức.
- Nguyễn Mạnh Toàn, (2011), Mô hình cân đối liên ngành trong phân tích và dự báo sản lượng, thu nhập và việc làm, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 3 (44) năm 2011.
- Ủy ban tư vấn Chính sách Thương mại quốc tế thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp VN, Khuyến nghị phương án đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, Dự án Mutrap do Liên minh Châu Âu tài trợ, Bộ Công thương phối hợp thực hiện.
- Cục Thống kê TP.HCM, Bảng I/O năm 2007.
- Cục Thống kê TP.HCM, Niên giám thống kê 2012.